

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/5/2023

V/v Anh Nông Văn S xin ly hôn

Chị Nguyễn Thị D

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Sách; bà Nguyễn Thị Chung.

Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Lan Phương - Thư ký TAND thị xã Quế Võ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 149/2023/TLST-HS ngày 16/3/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nông Văn S, sinh năm 1988; có mặt.

HKTT: Khu Xuân Bình, phường Đại Xuân, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987; vắng mặt.

HKTT: Khu Xuân Bình, phường Đại Xuân, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI D V U Á N

Tại đơn ly hôn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Nông Văn S trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị D vào ngày 17/02/2009 trên cơ sở có thời gian tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Sau ngày kết hôn chị D về ở chung cùng gia đình anh ở thôn Xuân Bình, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ nay là khu Xuân Bình, phường Đại Xuân, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 02 năm thì phát S mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống nên vợ chồng thường xuyên xô xát cãi vã nhau, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng quan hệ vợ chồng vẫn không được cải thiện. Thậm chí gia đình đôi bên có vun vén hòa giải nhưng không có kết quả. Chị D đã không chung sống với anh từ năm 2011 cho đến nay. Hiện nay anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn về đoàn tụ nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Trên thực tế, anh đã

điện thoại cho chị D, chị D đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng cho đến nay chị D không có mặt tại Tòa án là gây khó khăn cho anh. Chị D và gia đình chị D cũng không cho anh biết địa chỉ cụ thể của chị D, anh S yêu cầu Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nông Duy Thái, S ngày 20/9/2010. Ly hôn, anh S có nguyện vọng được nuôi con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Phía chị D đã được biết thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải thông qua chị gái ruột là chị Nguyễn Thị Phú nhưng chị D vẫn vắng mặt không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án. Phía đại diện gia đình chị D là chị Nguyễn Thị Phú thừa nhận đã giao, thông báo tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho em gái là chị Nguyễn Thị D nhưng chị D không về giải quyết việc ly hôn, chị Phú cho biết vợ chồng anh S, chị D đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, không liên lạc với nhau và chấm dứt mối quan hệ vợ chồng. Hiện nay, chị D do điều kiện công việc không thể trở về để tham gia phiên tòa được, quan điểm của chị D, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nông Duy Thái, S ngày 20/9/2010. Ly hôn, anh S có nguyện vọng được nuôi con chung, chị D nhất trí. Về tài sản chung; công nợ chung vợ chồng: Không có, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị D, anh S yêu cầu được nuôi con Nông Duy Thái, S ngày 20/9/2010 và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung.

Trong quá trình tranh luận tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ đã phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự qui định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn trong vụ án chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc. Về nội D: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 55; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 228, 264, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho anh Nông Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị D. Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là Nông Duy Thái, S ngày 20/9/2010 cho anh S nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Phía chị D đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D.

[2]. Về nội D: Anh Nông Văn S kết hôn với chị Nguyễn Thị D vào ngày 17/02/2009 trên cơ sở có thời gian tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, như vậy được coi là hôn nhân hợp pháp.

Sau ngày kết hôn anh S và chị D có thời gian chung sống hòa thuận hạnh phúc được 02 năm thì phát S mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng đánh cãi nhau nhiều lần nên chị D không còn chung sống với anh S từ năm 2011. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho tới nay. Phía chị D mặc dù biết anh S xin ly hôn nhưng chị không đến Tòa án để làm việc và cũng có quan điểm ly hôn. Phía gia đình chị D cũng xác nhận quan hệ vợ chồng anh S, chị D không thể hàn gắn đoàn tụ nên cần giải quyết cho anh S được ly hôn chị D là phù hợp với pháp luật và thực tế.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nông Duy Thái, S ngày 20/9/2010, hiện nay đang ở với anh S. Ly hôn, anh S yêu cầu được nuôi con, nên cần giao con chung cho anh S nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh S không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, anh S không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về án phí: Anh S phải chịu án phí LHST theo qui định của pháp luật.
Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn các Điều 51, 55, 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 228, 264, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Cho anh Nông Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị D.
2. Về con chung: Giao con chung Nông Duy Thái, S ngày 20/9/2010 cho anh Nông Văn S nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh S không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại

thăm nom con chung theo quy định của pháp luật và không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nông Văn S phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận anh S đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0001319 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh).

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã Quế Võ;
- Chi cục THADS thị xã Quế Võ;
- UBND phường Kim Chân, tp Bắc Ninh.
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thảo

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Chung Nguyễn Thế Sách

Nguyễn Thị Thu Thảo

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã Quế Võ;
- Chi cục THADS thị xã Quế Võ;
- UBND xã Hán Quảng.
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thảo

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....ngày 23 tháng 5 năm 2023

Tại phòng nghị án của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Tuyền; bà Nguyễn Thị Chung.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 171/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử đã biểu quyết nhất trí 3/3;

QUYẾT ĐỊNH

Căn các Điều 51, 56, 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 228, 264, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Cho chị Hoàng Thị Anh được ly hôn anh Đỗ Đình Mờ.

2. Về con chung: Giao con Đỗ Đình Chính, S ngày 21/5/2011 và Đỗ Xuân Mai, S ngày 22/9/2016 cho chị Hoàng Thị Anh nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị Anh không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật và không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Anh phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận chị Anh đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0001369 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh).

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản bản hoặc niêm yết bản án.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 30 tháng 7 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe nhất trí, ký tên.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Chung

Nguyễn Quang Tuyền

Nguyễn Thị Thu Thảo

